

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

---

# VietGAHP

QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT  
CHO CHĂN NUÔI VỊT, NGAN TẠI VIỆT NAM

Good Animal Husbandry Practices  
for Duck and Muscovy Duck Production in Vietnam

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2015

Luật bản quyền (Copyright) : ©VietGAHP

VietGAHP được bảo vệ theo Luật bản quyền. Ngoại trừ những điều khoản cho phép được ghi trong Luật bản quyền, cấm in ấn VietGAHP dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

*Copyright protects this publication. Except for purposes permitted by the Copyright Act, this document is protected and any other reproduction by whatsoever means is prohibited without the prior written permission of the Ministry of Agriculture & Rural Development.*

## **QUY TRÌNH**

### **Thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi vịt, ngan tại Việt Nam (VietGAHP chăn nuôi vịt, ngan)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

#### **Chương I**

#### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1.1. Quy trình này khuyến khích áp dụng để chăn nuôi vịt, ngan tốt nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm thịt, trứng an toàn thực phẩm; an toàn môi trường, sức khỏe vật nuôi và phúc lợi xã hội cho người lao động.

1.2. Đối tượng áp dụng: Các cơ sở chăn nuôi vịt, ngan; tổ chức, cá nhân chứng nhận VietGAHP chăn nuôi vịt, ngan trên lãnh thổ Việt Nam.

##### **2. Giải thích từ ngữ**

2.1. VietGAHP (Vietnam Good Animal Husbandry Practices) cho chăn nuôi vịt, ngan là thực hành chăn nuôi tốt áp dụng trong nuôi vịt, ngan tại Việt Nam.

2.2. An toàn sinh học (ATSH) trong chăn nuôi vịt, ngan: Là các biện pháp kỹ thuật và quản lý nhằm ngăn ngừa và hạn chế sự lây nhiễm của các tác nhân gây bệnh có khả năng gây hại đến con người, vật nuôi và hệ sinh thái.

2.3. Chất thải trong chăn nuôi vịt, ngan bao gồm chất thải rắn, chất thải lỏng và chất thải khí. Chất thải rắn bao gồm phân, vịt, ngan chết... Chất thải lỏng là nước rửa chuồng trại, trạm ấp trứng và rửa các dụng cụ dùng trong chăn nuôi và ấp trứng.

#### **Chương II**

#### **NỘI DUNG QUY TRÌNH**

##### **1. Địa điểm**

1.1. Khoảng cách từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt tối thiểu 100 m.

1.2. Có đủ nguồn nước sạch phục vụ chăn nuôi và xử lý môi trường.

##### **2. Bố trí khu chăn nuôi**

2.1. Trại chăn nuôi phải có bố trí phù hợp, đảm bảo phòng chống cháy nổ, dễ dàng vệ sinh, đảm bảo ATSH, bố trí riêng biệt các khu chuồng, kho thức ăn, thuốc thú y, vật tư; công trình cấp nước và khu xử lý chất thải.

2.2. Trại chăn nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh hoặc nuôi nhốt hoàn toàn hoặc biệt lập để hạn chế người, động vật và phương tiện ra, vào trại.

### **3. Chuồng nuôi và thiết bị chăn nuôi**

3.1. Chuồng nuôi vịt, ngan phải được thiết kế phù hợp với từng lứa tuổi của vịt, ngan và mục đích sản xuất, chuồng nuôi vịt, ngan con phải có biện pháp chống chuột và động vật khác. Tường, nền chuồng và rãnh thoát nước đảm bảo để vệ sinh.

3.2. Nếu nuôi vịt, ngan trong ao hồ thì phải đảm bảo đủ diện tích mặt nước 1 con/4-5m<sup>2</sup> mặt nước.

3.3. Nếu nuôi vịt, ngan nhốt trong vườn cây thì vườn cây không được để đọng nước.

3.4. Các thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quá trình chăn nuôi vịt, ngan phải đảm bảo an toàn và để vệ sinh, tẩy rửa.

### **4. Giống và quản lý chăn nuôi**

4.1. Vịt, ngan giống mua về nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, có giấy kiểm dịch theo quy định.

4.2. Vịt, ngan giống sản xuất tại cơ sở phải thực hiện công bố tiêu chuẩn. Chất lượng con giống phải phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố.

4.3. Phải có quy trình chăn nuôi cho từng giống vịt, ngan theo mục đích sử dụng và thực hiện đúng quy trình chăn nuôi.

4.4. Áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên là: cả khu ⇒ từng dãy ⇒ từng chuồng ⇒ từng ô.

### **5. Vệ sinh chăn nuôi**

5.1. Trại phải có đầy đủ trang thiết bị và quy trình vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, đảm bảo ATSH.

5.2. Tất cả mọi người khi vào, ra trại thực hiện đầy đủ các biện pháp vệ sinh khử trùng.

5.3. Các phương tiện ra vào trại đều phải thực hiện vệ sinh và khử trùng.

5.4. Phát quang bụi rậm xung quanh khu chuồng nuôi; định kỳ vệ sinh hệ thống cống rãnh.

5.5. Sau mỗi đợt nuôi hoặc sau khi chuyển đàn phải làm sạch và khử trùng chuồng, thiết bị trong chuồng và để trống chuồng ít nhất 15 ngày.

### **6. Quản lý thức ăn và nước uống**

#### *6.1. Quản lý thức ăn*

6.1.1. Thức ăn không chứa các chất gây tồn dư, độc tố nấm mốc và các vi sinh vật có hại làm ảnh hưởng đến sức khoẻ vật nuôi và sức khoẻ người tiêu dùng, theo quy định hiện hành.

6.1.2. Thức ăn dự trữ phải được bảo quản trong kho đảm bảo khô ráo, thoáng, chống được động vật và côn trùng gây hại; không để quá hạn sử dụng.

6.1.3. Thường xuyên kiểm tra và vệ sinh khu vực sản xuất thức ăn, kho chứa thức ăn và nguyên liệu thức ăn để tránh gây ô nhiễm.

## 6.2. Quản lý nước

6.2.1. Nguồn nước cho chăn nuôi vịt, ngan phải đảm bảo an toàn không nhiễm vi sinh vật hiếu khí và coliform tổng số theo bảng 1 Phụ lục, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01-15).

6.2.2. Chăn nuôi vịt, ngan trong ao, hồ đảm bảo an toàn, không bị ô nhiễm.

## 7. Quản lý dịch bệnh

7.1. Lập kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho đàn vịt, ngan. Có quy trình phòng bệnh phù hợp các đối tượng vịt, ngan và thực hiện đúng quy trình.

7.2. Có hồ sơ theo dõi đàn vịt, ngan về dịch bệnh, nguyên nhân phát sinh, các loại thuốc phòng và điều trị.

7.3. Chỉ sử dụng các loại thuốc thú y có trong Danh mục quy định được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

7.4. Khi có vịt, ngan ốm phải nhốt ra khu nuôi cách ly; khi phát hiện có dịch bệnh phải báo cho cán bộ thú y để có biện pháp xử lý, phải ngừng xuất giống, sản phẩm và vật tư sử dụng trong chăn nuôi vịt, ngan ra ngoài trại.

## 8. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường

8.1. Chất thải rắn phải được thu gom sau mỗi đợt nuôi đối với nuôi vịt, ngan trên nền chuyển đến nơi tập trung và có biện pháp xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường theo quy định của Nhà nước.

8.2. Vị trí tập trung chất thải để xử lý phải ở cuối trại, xa khu chuồng nuôi, xa nơi cấp nước, tránh tràn. Phải có quy trình xử lý chất thải trong trại chăn nuôi.

8.3. Chất thải lỏng phải được thu vào khu xử lý đảm bảo an toàn các chỉ tiêu Coli phân, coliform tổng số và Salmonella trước khi thải ra môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-15 (Bảng 4. Phần phụ lục).

8.4. Nuôi vịt, ngan nhốt trên ao khi kết thúc mỗi lứa nên nạo vét đáy ao, nước thải phải xử lý trước khi đưa nước ra ngoài môi trường.

## 9. Kiểm soát động vật và côn trùng gây hại

9.1. Trại phải có chương trình kiểm soát động vật khác, loài gặm nhấm và côn trùng gây hại.

## 10. Quản lý nhân sự

10.1. Trại cần có sơ đồ tổ chức; có quy trình xử lý khẩn cấp khi có sự cố và tai nạn xảy ra.

10.2. Chủ trang trại phải thực hiện theo Luật lao động đối với người lao động trong trại.

10.3. Người lao động có đủ sức khỏe, được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và được khám sức khỏe định kỳ.

10.4. Người lao động phải được tập huấn về quy trình chăn nuôi - thú y, các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động.

## 11. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ, truy nguyên nguồn gốc và thu hồi sản phẩm

Trang trại chăn nuôi vịt, ngan phải lập sổ, ghi chép theo dõi và lưu trữ các thông tin trong quá trình chăn nuôi. Cụ thể như sau:

11.1. Thông tin chung của trại chăn nuôi: Tên trại chăn nuôi/chủ trại; Địa chỉ; Diện tích chuồng trại chăn nuôi; Sơ đồ chuồng nuôi;

11.2. Ghi chép nhập nguyên liệu hoặc thức ăn: Ngày, tháng, năm nhập; Loại thức ăn; Số lượng; Nguồn gốc; Ngày và lô sản xuất; Hạn sử dụng;

11.3. Ghi chép xuất nguyên liệu, thức ăn: Ngày, tháng, năm xuất; Loại thức ăn; Số lượng; Nguồn gốc; Ngày và lô sản xuất sản xuất; Hạn sử dụng;

11.4. Ghi chép trộn thức ăn: Ngày, tháng, năm trộn; Loại khẩu phần; Dùng thuốc/chất bổ sung và liều lượng; Khu trại, dãy chuồng hoặc ô chuồng sử dụng;

11.5. Ghi chép mua/chuyển vịt, ngan: Ngày, tháng, năm mua/chuyển vịt, ngan; Số lượng; Nguồn gốc; Giống vịt, ngan; Lứa tuổi; tình trạng sức khỏe;

11.6. Ghi chép kế hoạch phòng bệnh: Quy trình phòng bệnh của trại; Ngày, tháng, năm sử dụng vắc xin; Tên vắc xin; Nguồn gốc vắc xin; Ngày và lô sản xuất; Liều lượng dùng cho các loại gà; Cách dùng;

11.7. Ghi chép xuất, bán vịt, ngan: Ngày, tháng năm xuất bán; Loại vịt, ngan; Số lượng bán ra (con); Khối lượng; Lý do; Ngày tiêm phòng/trị bệnh lần cuối; Loại vắc xin/ thuốc thú y đã sử dụng lần cuối;

Tất cả các sổ ghi chép trên được theo dõi thường xuyên và được lưu trữ tại trại ít nhất 12 tháng.

## 12. Tự kiểm tra (Kiểm tra nội bộ)

12.1. Chủ trang trại phải tổ chức tiến hành kiểm tra nội bộ ít nhất mỗi năm một lần.

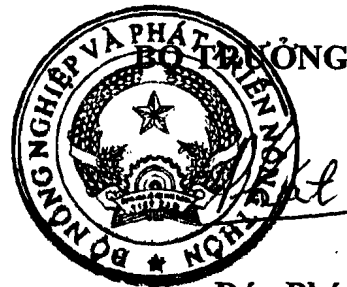
12.2. Việc kiểm tra phải được thực hiện bằng bảng kiểm tra đánh giá; sau khi kiểm tra xong tổ chức, cá nhân chăn nuôi hoặc kiểm tra viên có nhiệm vụ ký vào bảng kiểm tra đánh giá. Bảng tự kiểm tra đánh giá, bảng kiểm tra (đột xuất, định kỳ) của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải được lưu trong hồ sơ.

12.3. Chủ trang trại chăn nuôi phải tổng kết và báo cáo kết quả tự kiểm tra cho cơ quan quản lý chất lượng khi có yêu cầu.

## 13. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại

13.1. Tổ chức, cá nhân chăn nuôi vịt, ngan phải có mẫu đơn khiếu nại khi khách hàng yêu cầu.

13.2. Trong trường hợp có khiếu nại, tổ chức cá nhân chăn nuôi phải có trách nhiệm giải quyết theo quy định của pháp luật và lưu đơn thư khiếu nại cũng như kết quả giải quyết vào trong hồ sơ.



Cao Đức Phát

**BẢNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ VIETGAHP CHĂN NUÔI VỊT, NGAN**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015*  
*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**I. TIÊU CHÍ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ**

*Mức độ A = Bắt buộc thực hiện; B = Khuyến khích thực hiện*

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
<b>1. Địa điểm</b>						
1	Từ trang trại đến trường học, bệnh viện, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt có đạt khoảng cách tối thiểu 100m không?	A	Quan sát thực tế			
2	Có đủ nguồn điện, nguồn nước sạch phục vụ chăn nuôi và xử lý môi trường không?	A	Quan sát thực tế			
<b>2. Bố trí khu chăn nuôi</b>						
3	Trại chăn nuôi có bố trí phù hợp, đảm bảo phòng chống cháy nổ, dễ dàng vệ sinh, đảm bảo không làm ô nhiễm chéo giữa các khu vực, bố trí riêng biệt các khu chuồng, kho thức ăn, thuốc thú y, vật tư; công trình cấp nước và khu xử lý chất thải hay không?	A	Quan sát thực tế			
4	Trại chăn nuôi có tường hoặc hàng rào bao quanh hoặc nuôi nhốt hoàn toàn hoặc biệt lập để hạn chế người, động vật và phương tiện ra vào trại không?	A	Quan sát thực tế			
<b>3. Chuồng nuôi và thiết bị chăn nuôi</b>						
5	Chuồng nuôi vịt, ngan có được thiết kế phù hợp với từng lứa tuổi của vịt, ngan và mục đích sản xuất không? chuồng nuôi vịt, ngan con có biện pháp chống chuột và động vật khác không? Tường, nền chuồng và rãnh thoát nước đảm bảo dễ vệ sinh không?	A	Quan sát thực tế			
6	Nếu nuôi vịt, ngan trong ao hồ thì có đảm bảo đủ diện tích mặt nước 1 con/4-5m <sup>2</sup> mặt nước không?	A	Quan sát thực tế			
7	Các thiết bị, dụng cụ sử dụng trong quá trình chăn nuôi vịt, ngan phải đảm bảo an toàn và dễ vệ sinh, tẩy rửa.	B	Quan sát thực tế			

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
<b>4. Giống và quản lý chăn nuôi</b>						
8	Vịt, ngan giống mua về nuôi có nguồn gốc rõ ràng, có giấy kiểm dịch theo quy định không?	A	Kiểm tra hồ sơ			
9	Vịt, ngan giống sản xuất tại cơ sở có thực hiện công bố tiêu chuẩn cơ sở không? hoặc có công bố tiêu chuẩn áp dụng không?	A	Kiểm tra giấy tờ liên quan			
10	Có đầy đủ quy trình chăn nuôi cho từng giống vịt, ngan theo mục đích sử dụng và thực hiện đúng quy trình chăn nuôi không?	A	Kiểm tra thực tế			
11	Có áp dụng phương thức quản lý "cùng vào-cùng ra" theo thứ tự ưu tiên là: cả khu ⇒ từng dãy ⇒ từng chuồng ⇒ từng ô không?	A	Kiểm tra thực tế kết hợp phỏng vấn nhân viên			
<b>5. Vệ sinh chăn nuôi</b>						
12	Trại có đầy đủ trang thiết bị và quy trình vệ sinh, tiêu độc khử trùng, đảm bảo ATSH không?	B	Kiểm tra thực tế			
13	Tất cả mọi người khi vào, ra trại có thực hiện vệ sinh, khử trùng không?	A	Quan sát thực tế kết hợp phỏng vấn			
14	Các phương tiện ra, vào trại có thực hiện vệ sinh và khử trùng không?	A	Quan sát thực tế			
15	Có phát quang bụi rậm xung quanh khu chuồng nuôi không? Có định kỳ vệ sinh hệ thống cống rãnh không?	B	Quan sát thực tế			
16	Sau mỗi đợt nuôi hoặc sau khi chuyển đàn có làm sạch và khử trùng chuồng, thiết bị, dụng cụ và để trống chuồng ít nhất 15 ngày không?	A	Quan sát thực tế kết hợp với xem sổ sách ghi chép			
<b>6. Quản lý thức ăn và nước uống</b>						
17	Thức ăn có chứa các chất gây tồn dư, độc tố nấm mốc và các vi sinh vật có hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe vật nuôi và sức khỏe người tiêu dùng theo quy định hiện hành hay không?	A	Kiểm tra kết quả phân tích hoặc lấy mẫu phân tích			

STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
18	Thức ăn có được bảo quản trong kho khô ráo, thoáng, chống được động vật và côn trùng gây hại không? có bảo đảm không để quá hạn sử dụng không?	A	Quan sát thực tế			
19	Nguồn nước cho chăn nuôi vịt, ngan có định kỳ kiểm tra coliform tổng số và vi khuẩn hiếu khí theo QCVN 01-15 không?	A	Kiểm tra kết quả phân tích hoặc lấy mẫu nước kiểm tra			
20	Nuôi vịt, ngan trong ao có bảo đảm không bị ô nhiễm không?	A	Quan sát thực tế			
<b>7. Quản lý dịch bệnh</b>						
21	Có lập kế hoạch phòng trừ dịch bệnh cho đàn vịt, ngan. Có đầy đủ quy trình phòng bệnh không?	B	Kiểm tra thực tế			
22	Có hồ sơ theo dõi đàn vịt, ngan về dịch bệnh, nguyên nhân phát sinh, các loại thuốc phòng và điều trị không?	B	Kiểm tra thực tế			
23	Có bảo đảm khi có vịt, ngan ốm phải nhốt ra khu nuôi cách ly để theo dõi và xử lý; khi phát hiện có dịch bệnh phải báo cho cán bộ thú y để có biện pháp xử lý, phải ngừng xuất giống, sản phẩm và vật tư sử dụng trong chăn nuôi vịt, ngan ra ngoài trại không?	A	Kiểm tra thực tế kết hợp với phỏng vấn			
<b>8. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường</b>						
24	Có vị trí tập trung chất thải để xử lý, xa khu chuồng nuôi, xa nơi cấp nước không? Có quy trình xử lý chất thải trong trại chăn nuôi không?	A	Quan sát thực tế kết hợp phỏng vấn			
25	Sau mỗi đợt nuôi hoặc sau khi chuyển đàn vịt, ngan có thu gom chất thải đến nơi xử lý chất thải không?	A	Quan sát thực tế kết hợp phỏng vấn			
26	Có biện pháp xử lý chất thải rắn đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường theo quy định của Nhà nước không?	A	Quan sát thực tế kết hợp phỏng vấn			
27	Chất thải lỏng có được thu vào khu xử lý đảm bảo an toàn các chỉ tiêu Coli phân, coliform tổng số và Salmonella trước khi thải ra môi trường theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-15	A	Xem kết quả phân tích hoặc lấy mẫu phân tích			



STT	Thực hành	Mức độ	Phương pháp	Có	Không	Yêu cầu điều chỉnh
28	Khi nuôi vịt nhốt trên ao có định kỳ nạo vét đáy ao, thay nước không? có xử lý nước trước khi đưa nước ra ngoài môi trường không?	B	Quan sát thực tế kết hợp phỏng vấn			
<b>9. Kiểm soát động vật và côn trùng gây hại</b>						
29	Có chương trình kiểm soát động vật khác, loài gặm nhấm và côn trùng gây hại không?	A	Kiểm tra thực tế, kết hợp với phỏng vấn			
<b>10. Quản lý nhân sự</b>						
30	Có quy trình xử lý khẩn cấp khi có sự cố và tai nạn xảy ra ?	B	Kiểm tra thực tế			
31	Người lao động có được thực hiện theo Luật Lao động và được khám sức khỏe định kỳ?	B	Phỏng vấn nhân viên			
32	Người lao động có được tập huấn về quy trình chăn nuôi – thú y, các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, bảo vệ môi trường?	A	Quan sát thực tế, kết hợp phỏng vấn			
<b>11. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ</b>						
33	Trang trại chăn nuôi vịt, ngan có lập các sổ, ghi chép theo dõi đầy đủ và lưu trữ các thông tin trong quá trình chăn nuôi?	A	Kiểm tra thực tế			
<b>12. Tự kiểm tra (Kiểm tra nội bộ)</b>						
34	Có tiến hành kiểm tra nội bộ định kỳ mỗi năm một lần không?	A	Kiểm tra thực tế			
35	Bảng kiểm tra đánh giá nội bộ đã được ký chưa và có lưu trong hồ sơ không?	A	Kiểm tra thực tế			
<b>13. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại</b>						
36	Trang trại có sẵn mẫu đơn khiếu nại không? Và có lưu giữ hồ sơ khiếu nại của khách hàng và phương pháp giải quyết không?	B	Kiểm tra thực tế			

## II. XỬ LÝ KẾT QUẢ

- Tổng số tiêu chí đánh giá là 36 tiêu chí, gồm 26 tiêu chí loại A và 10 tiêu chí loại B
- Cơ sở chăn nuôi vịt, ngan được cấp chứng nhận phải đạt được: 26 tiêu chí loại A và 5 tiêu chí loại B trở lên.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

-----

**MẪU BIỂU GHI CHÉP**

**CỦA CƠ SỞ CHĂN NUÔI VỊT, NGAN AN TOÀN THEO VIETGAHP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Tên tổ chức/ cá nhân:

Lứa chăn nuôi:

Năm:

**Phần thứ nhất**  
**THÔNG TIN CHUNG**

1. Họ và tên cơ sở chăn nuôi: .....
2. Địa chỉ:      Thôn: .....      Xã:.....  
                         Huyện: .....      Tỉnh:.....
3. Điện thoại:
4. Tên giống vịt, ngan:
5. Mua tại cơ sở nào:
6. Ngày tháng bắt đầu nuôi:
7. Lứa tuổi lúc bắt đầu nuôi:
8. Số lượng (con):
9. Phương thức chăn nuôi:
10. Diện tích chuồng nuôi:
11. Kiểu chuồng nuôi:
12. Diện tích toàn bộ khu vực chăn nuôi: ✓

**Phần thứ hai**  
**CÁC BIỂU MẪU GHI CHÉP**

**Biểu 1: Theo dõi ghi chép hàng ngày**

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng vịt, ngan (con) (2)	Số lượng thức ăn (kg) (3)	Số lượng trứng (quả) (4)	Tình trạng đàn gà (5)	Số lượng loại thải, chết (con) (6)

**Biểu 2: Theo dõi mua thức ăn chăn nuôi**

Ngày, tháng, năm (1)	Tên thức ăn (2)	Số lượng (kg) (3)	Đơn giá (đồng/kg) (4)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán và địa chỉ (5)

**Biểu 3: Theo dõi mua nguyên liệu thức ăn chăn nuôi**

Ngày, tháng, năm (1)	Tên nguyên liệu thức ăn (2)	Số lượng (kg) (3)	Đơn giá (đồng/kg) (4)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán và địa chỉ (5)

**Biểu 4: Theo dõi mua vịt, ngan giống**

Ngày tháng năm	Số lượng mua (con)	Cơ sở bán	Giống vịt, ngan	Ghi chú

**Biểu 5: Theo dõi mua vaccin và thuốc thú y**

Ngày, tháng, năm (1)	Tên vaccin và thuốc (2)	Số lượng (liều, kg, g, gói...) (4)	Giá (đồng/liều, kg, g, gói...) (5)	Tên người, cửa hàng/đại lý bán/nhà sản xuất và địa chỉ (6)	Cách bảo quản (để trong tủ lạnh, để bên ngoài) (7)

**Biểu 6: Theo dõi sử dụng vaccin và thuốc thú y**

Ngày, tháng, năm (1)	Loại vaccin hoặc thuốc thú y (2)	Mã số, hạn sử dụng (3)	Cách sử dụng (tiêm nhỏ, cho uống) (4)	Liều lượng sử dụng (5)	Tình trạng đàn gà sau khi sử dụng (6)	Số lượng loại thái, chết (con) (7)

**Biểu 7: Theo dõi sử dụng thuốc sát trùng**

Ngày, tháng, năm (1)	Tên thuốc sát trùng (2)	Số lượng thuốc (3)	Diện tích phun (4)	Loại máy/dụng cụ phun (5)	Tên người phun (6)

**Biểu 8: Theo dõi sức khỏe đàn vịt, ngan**

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (con) (2)	Triệu chứng (biểu hiện) (3)	Số lượng ốm (con) (4)	Số lượng chết (con) (5)	Nguyên nhân sơ bộ (6)

**Biểu 9: Theo dõi xử lý xác vịt, ngan (đánh dấu X vào các ô)**

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (con) (2)	Chôn (con) (3)	Đốt (con) (4)	Phương pháp khác(5)	Vứt xuống ao hồ (6)	Tên người xử lý (7)

**Biểu 10: Theo dõi lấy mẫu xét nghiệm**

Ngày, tháng, năm (1)	Mẫu xét nghiệm (máu, cá con, nội tạng) (2)	Lý do gửi xét nghiệm (3)	Nơi gửi xét nghiệm (4)	Kết luận của cơ quan xét nghiệm (5)	Kế hoạch kiểm soát (6)	Tên người lấy mẫu (7)

**Biểu 11: Theo dõi xuất bán vịt, ngan giống/thịt**

Ngày, tháng, năm (1)	Loại sản phẩm (2)	Số lượng (con) (3)	Tổng khối lượng bán ra (kg) (4)	Tên người mua, địa chỉ (5)	Tên người bán (6)

**Biểu 12: Theo dõi xuất bán trứng vịt, ngan**

Ngày, tháng, năm (1)	Số lượng (quả) (2)	Tên người mua, địa chỉ (3)	Tên người bán (4)

**Biểu 13: Danh sách nhân công**

Tên công nhân (1)	Số giấy chứng minh (2)	Địa chỉ (3)